

TRƯỜNG TIỂU HỌC
BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN LỚP 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

Thời gian làm bài: 40 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên học sinh: **Lớp: 2/.....**

Họ và tên giám thị: **Chữ kí:**

Điểm	GK1:	GK2:	Chung:
Nhận xét			
GK1	Họ tên:	Chữ kí:	
GK2	Họ tên:	Chữ kí:	

I. Trắc nghiệm (4 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Câu 1: Số 309 đọc là:

- A. Ba trăm linh chín B. Ba mươi chín C. Ba không chín

Câu 2: Trong phép tính $40 : 5 = 8$, số **40** được gọi là:

- A. Số bị chia B. Số chia C. Thương

Câu 3: Giá trị của chữ số 3 trong 435 là:

- A. 3 B. 30 C. 300

Câu 4: Số gồm 5 trăm 6 chục 1 đơn vị là số nào ?

- A. 561 B. 516 C. 156

Câu 5: Chọn dấu điền vào chỗ chấm: 99 cm ... 1m

- A. > B. < C. =

Câu 6: Đồng hồ bên chỉ mấy giờ ?

- A. 3 giờ 5 phút
B. 5 giờ 3 phút
C. 5 giờ 15 phút



Câu 7: Một chiếc lọ đựng 4 viên bi màu đen và 6 viên bi màu trắng. Khả năng để lấy được 1 viên bi màu trắng là:

- A. Không thể B. Có thể C. Chắc chắn



Câu 8: (0,5đ): Quan sát biểu đồ và trả lời bằng cách điền vào chỗ chấm:

TRƯỜNG TIỂU HỌC THỦY LƯƠNG
HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN LỚP 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

I. Phần trắc nghiệm: (4 điểm)

<i>Câu 1</i>	<i>Câu 2</i>	<i>Câu 3</i>	<i>Câu 4</i>	<i>Câu 5</i>	<i>Câu 6</i>	<i>Câu 7</i>
A	A	B	A	B	C	B
0,5đ	0,5đ	0,5đ	0,5đ	0,5đ	0,5đ	0,5đ

Câu 8. Điền đúng 4 ý được 0,5 điểm.

II. Phần tự luận (6 điểm)

Câu 9: (2.0 đ) Đặt tính rồi tính

Mỗi câu thực hiện đúng được 0,5 điểm (đặt tính đúng được 0,25 đ)

Học sinh cần thực hiện đặt tính thẳng cột. Bài nào không đặt tính thẳng cột chỉ được ½ số điểm.

Câu 10 : (2.0 đ)

Bài giải:

Trường Tiểu học Hữu Nghị có số học sinh là: (0,5 đ)

$865 - 36 = 829$ (học sinh) (1.0 đ)

Đáp số: 829 học sinh (0,5đ)

Câu 11:(1.0 đ) Trong hình bên có:

Có 02 khối trụ

Có 05 khối cầu

Có 02 khối lập phương

Có 02 khối hộp chữ nhật.

*** Trả lời đúng một đáp án 0,25 điểm**

Câu 12 : (1.0 đ) $25 : 5 = 5$ (0.5 đ)

Số bị chia cần tìm là 25 (0.5 đ)

TRƯỜNG TIỂU HỌC THỦY LƯƠNG
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN LỚP 2
NĂM HỌC 2023 - 2024

Mạch kiến thức, kĩ năng		Số câu, câu số số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
			TNKQ	T L	TNKQ	T L	TNKQ	T L	TNKQ	T L
SỐ VÀ PHÉP TÍNH	- Đọc viết các số trong phạm vi 1000.	Số câu	2	1	2			1	4	2
	- Thực hiện được việc so sánh, sắp xếp thứ tự các số trong phạm vi 1000 theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số.	Câu số	1,2	9	3,4			12		
	- Thực hiện các phép tính cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000. - Nhận biết được thành phần của phép nhân, phép chia. Vận dụng được bảng nhân, chia 2 và 5 trong thực hành tính. - Giải bài toán có lời văn bằng một bước tính (cộng, trừ) với các dạng toán đã học.	Số điểm	1.0	2.0	1.0			1.0	2.0	3.0
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG	- Đọc được giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6, số 12.	Số câu	1	1	1	1			2	2
	- Nhận biết được số ngày trong tháng, ngày trong tháng.	Câu số	5	11	6	10				
	- Nhận biết được các đơn vị đo độ dài cm, dm, m, km và quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài đã học; thực hiện các phép tính kèm theo đơn vị đo. - Nhận diện một số	Số điểm	0.5	1.0	0.5	2.0			1.0	3.0

	hình đã học.									
MỘT SỐ YẾU TỐ THÔNG KÊ VÀ XÁC XUẤT	<p>Đọc, mô tả được các số liệu và nêu được một số nhận xét đơn giản về biểu đồ tranh.</p> <p>- Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể.</p>	Số câu	1		1				2	
		Câu số	8		7					
		Số điểm	0.5		0.5				1.0	
Tổng		Số câu	4	1	3	1		1	8	4
		Số điểm	2	2	1.5	2.5		1.0	4	6